

# Tham gia chính trị xã hội của người cao tuổi hiện nay và các yếu tố ảnh hưởng: Nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Ninh Bình

Trần Thị Minh Thi\*

**Tóm tắt:** Bài viết phân tích vai trò chính trị của người cao tuổi trên các khía cạnh như mức độ đại diện tham gia và các vị thế thể hiện trong các hoạt động chính trị, xã hội tại địa phương. Nghiên cứu này cho thấy người cao tuổi là nòng cốt quan trọng trong các hoạt động chính trị, xã hội ở cộng đồng. Mức độ tham gia vào tổ chức chính trị xã hội của người cao tuổi thể hiện rõ ở các nhóm có đặc điểm nhân khẩu xã hội tích cực như sức khỏe tốt hơn, tuổi trẻ hơn, mức sống cao; hay nguồn lực kinh tế xã hội tốt hơn như mức sống cao hơn, sống ở đô thị. Những người cao tuổi tham gia vào Hội người cao tuổi, một tổ chức đặc thù mang ý nghĩa quan trọng đối với họ, thường mang những đặc điểm nguồn lực thấp hơn như sức khỏe kém, tuổi cao, đơn thân, sống một mình, nghèo, ở khu vực nông thôn, v.v. Mức độ tham gia các tổ chức chính trị của phụ nữ cao tuổi cũng thấp hơn so với nam. Nguồn thu nhập ổn định, có con cái hỗ trợ cũng là yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến việc tham gia của người cao tuổi<sup>1</sup>.

**Từ khóa:** Người cao tuổi; Tham gia chính trị xã hội; Các yếu tố ảnh hưởng.

**Ngày nhận bài:** 3/8/2020; **ngày chỉnh sửa:** 31/8/2020; **ngày duyệt đăng:** 10/9/2020.

## 1. Đặt vấn đề

Tham gia chính trị xã hội có lợi cho sức khỏe thể chất, trì hoãn lão hóa, duy trì nhận thức và tuổi thọ (WHO, 2002; Vogelsang, 2016). Tham gia các hoạt động cộng đồng và gia đình tạo sự gắn kết xã hội, kết nối các quan hệ cá nhân, gia đình và cộng đồng (Douglas và cộng sự, 2017). Hiện nay, đại đa số

---

\* PGS.TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

<sup>1</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ "Vai trò người cao tuổi trong xã hội Việt Nam đang già hóa" do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2019-2020.

người cao tuổi (NCT) sống tại gia đình ở các cộng đồng địa phương (Trịnh Duy Luân, Trần Thị Minh Thi, 2017). Việc tìm hiểu đời sống chính trị của người cao tuổi ở cộng đồng có ý nghĩa quan trọng, trong bối cảnh Việt Nam đang già hóa nhanh, số lượng người cao tuổi không ngừng tăng lên. Bên cạnh đó, mức độ di cư của Việt Nam những năm gần đây ngày càng tăng, chủ yếu là di cư nông thôn-thành thị và ở nhóm trẻ, nên số người cao tuổi lại có xu hướng tăng lên. Quy mô, cấu trúc, phân công lao động trong gia đình cũng đang thay đổi, có tác động trực tiếp đến cuộc sống của NCT. Người cao tuổi cũng có những thay đổi về sức khỏe, vai trò xã hội và khả năng duy trì chức năng (WHO, 2000). Trong xã hội công nghiệp hóa, uy tín và quyền lực của NCT bị suy giảm do sự biến đổi của nền kinh tế và xã hội, tạo nên những khác biệt và khoảng cách trong cuộc sống giữa các thế hệ khác nhau. NCT được nhìn nhận như một nhóm dân số phụ thuộc cần được giúp đỡ chăm sóc. Đồng thời, truyền thống kính trọng người cao tuổi, vốn được phản ánh nhiều trong ca dao, tục ngữ, như kính già, già để tuổi cho, kính lão đắc thọ, hòa quyền trong nền văn hóa chịu ảnh hưởng của Nho giáo nhân mạnh đạo hiếu, tạo ra vị trí đặc biệt của NCT trong gia đình và cộng đồng. Những điều này đặt ra những câu hỏi đáng quan tâm khi tìm hiểu vai trò NCT trong đời sống chính trị cấp cơ sở ở Việt Nam hiện nay.

Bài viết này phân tích vai trò chính trị xã hội của NCT nhằm tìm hiểu mức độ tham gia sinh hoạt vào các tổ chức chính trị xã hội cũng như tiếng nói, vị thế tham gia và tầm ảnh hưởng của họ trong đời sống chính trị địa phương như tham gia bàn bạc trao đổi các vấn đề chung của cộng đồng, có tiếng nói quyết định đến các vấn đề đó, cũng như tham gia xây dựng, tuyên truyền, tổ chức triển khai, giám sát, tổng kết các chính sách, pháp luật từ trung ương đến địa phương; tham gia và ra quyết định trong hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; hoà giải mâu thuẫn, tranh chấp tại cộng đồng; thực hành dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm chống lãng phí; phòng, chống tham nhũng, quan liêu; phòng, chống HIV/AIDS và tệ nạn xã hội, v.v.

## 2. Phương pháp và số liệu

Bài viết sử dụng số liệu khảo sát bằng bảng hỏi 307 NCT từ 60 tuổi trở lên ở một xã đại diện cho nông thôn và một phường đại diện cho đô thị ở tỉnh Ninh Bình thuộc Đề tài cấp Bộ "Vai trò người cao tuổi trong xã hội Việt Nam đang già hóa" do tác giả là Chủ nhiệm đề tài, thực hiện năm 2019-2020. Các phỏng vấn sâu đại diện lãnh đạo và NCT tại các địa bàn khảo sát cũng được

thực hiện nhằm tìm hiểu các quan điểm của người trả lời về vai trò của NCT trong các hoạt động chính trị, xã hội tại cấp cơ sở.

Biến phụ thuộc là sự tham gia của NCT vào các tổ chức chính trị xã hội vào một số tổ chức chính trị xã hội chủ chốt, gồm chi bộ và thôn, tổ dân phố, và tổ chức đặc thù theo tuổi (Hội NCT) và giới (Hội Phụ nữ).

Biến độc lập giải thích mức độ ảnh hưởng đến sự tham gia bao gồm bốn nhóm biến: i) Các yếu tố đặc trưng nhân khẩu của NCT (sức khỏe, tuổi, tình trạng hôn nhân, và mức sống); ii) Các yếu tố văn hóa (giới, trách nhiệm nội trợ, chăm sóc cháu, mô hình sống); iii) Các yếu tố hiện đại hóa (địa bàn cư trú, học vấn, tình trạng việc làm) và iv) Các yếu tố an sinh tuổi già (nguồn thu nhập, và số con).

### 3. Tiếp cận lý thuyết

Các nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia xã hội của NCT khá đa dạng với các chiều kinh tế -văn hóa- xã hội. Nghiên cứu này chia các nhóm yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia chính trị-xã hội của NCT theo bốn nhóm.

Một là các đặc điểm nhân khẩu của NCT, bao gồm sức khỏe, đặc điểm hôn nhân, tuổi và mức sống. Theo thời gian, sức khỏe và sự năng động xã hội của người cao tuổi ngày càng giảm sút (Thanh Long Giang & Thi Hong Diep Nguyen, 2016; UNFPA & VNCA, 2019) và đây thường được coi là một trong những đặc điểm cá nhân ảnh hưởng nhiều nhất đến chất lượng cuộc sống và sự tham gia xã hội của người cao tuổi nói chung.

Tuổi thường được coi là một yếu tố của hiện đại hóa. Nhóm tuổi cao hơn thường chấp nhận các giá trị truyền thống như ủng hộ vai trò giới truyền thống, có nhiều con, thích sống cùng con trai khi về già, quan tâm sự gắn kết giữa gia đình và dòng họ, cộng đồng (Trần Thị Minh Thi, 2019). Tuy nhiên, vì đa số NCT đều sinh trước năm 1962 là thế hệ đã trải qua giai đoạn kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, với nhiều dấu mốc lịch sử quan trọng, vừa chịu ảnh hưởng của hôn nhân, gia đình phong kiến, vừa trưởng thành trong thời kỳ chiến tranh, chiến đấu giành độc lập, thống nhất cho đất nước, vừa trải qua những thay đổi lớn về lịch sử, mô hình quản lý, hệ thống pháp luật, nên có vốn sống, khát vọng cống hiến, hi sinh, đóng góp cho cái chung rất mạnh mẽ. Vì thế, yếu tố tuổi trong nghiên cứu này không đặc trưng cho hiện đại hóa, vì tất cả đều là NCT, mà đặc trưng nhiều hơn cho yếu tố sức khỏe. Càng tuổi cao, sức khỏe càng giảm sút, và khả năng tham gia xã hội càng yếu hơn (Ponce và cộng sự, 2014). Tuổi già thường gắn liền với giảm sút sức khỏe và năng động nhưng đến sớm hay muộn là khác nhau với từng cá nhân (Savikko, 2008). Người cao tuổi hơn thì thường có mức độ cảm thấy cô đơn thấp hơn người trẻ (Antonucci, 1985).

Tình trạng hôn nhân cũng là một đặc điểm nhân khẩu quan trọng, vì một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, tình trạng hôn nhân có thể ảnh hưởng đến một số khía cạnh sức khỏe, và chất lượng cuộc sống của NCT (Trịnh Duy Luân và Trần Thị Minh Thi, 2017). Khi con cái trưởng thành và độc lập, có bạn đời bên cạnh có thể làm giảm sự cô đơn tuổi già và từ đó có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tham gia hoạt động xã hội bên ngoài. Đồng thời, những NCT ly thân, ly hôn, góa, đơn thân do không có chỗ dựa từ phía bạn đời nên những kì vọng về chăm sóc từ con cái cao hơn trong bối cảnh hệ thống an sinh cho khu vực phi chính thức còn hạn chế (Trần Thị Minh Thi, 2019) có thể ảnh hưởng đến mức độ tham gia chính trị xã hội. Mức sống ảnh hưởng đến tính tích cực xã hội vì những NCT nghèo thường phải mưu sinh, lo toan kinh tế (Trịnh Duy Luân và Trần Thị Minh Thi, 2017). Mức sống khi về già cũng phản ánh khả năng tích lũy, nghề nghiệp khi còn trẻ qua tài sản dành dụm được hay các nguồn lương hưu, trợ cấp sau khi về hưu. Nhóm NCT nghèo vì thế bao gồm rất lớn nhóm dân cư làm việc ở khu vực phi chính thức, tại gia đình, có học vấn thấp, hiểu biết và khả năng tham gia chính trị có thể hạn chế. Nhóm người nghèo cũng thường có đông con, coi trọng giá trị kinh tế của con cái (Trần Thị Minh Thi, 2019).

Đặc điểm văn hóa có ảnh hưởng lớn đến mức độ tham gia chính trị, xã hội nói chung của NCT. Trong nghiên cứu này, các yếu tố văn hóa bao gồm giới tính, mô hình sống, và mức độ gắn kết với các quan hệ gia đình theo mô hình truyền thống như nội trợ, chăm sóc cháu. Nhiều nghiên cứu coi giới là một đặc điểm nhân khẩu, nghiên cứu này xem giới là một yếu tố phản ánh khuôn mẫu, tư tưởng dưới ảnh hưởng của của văn hóa. Giới cũng được coi là một chỉ báo của hiện đại hóa (Ochiai, 2010), vì nó phản ánh những thay đổi xã hội tâm vĩ mô như hiện đại hóa theo đoàn hệ. Do ảnh hưởng của Nho giáo và phong kiến, phụ nữ Việt Nam có vị trí thấp trong gia đình và xã hội. Năm 1946, với sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hiến pháp 1946, sửa đổi 1980, 1992, 2013 thiết lập những giá trị mới về bình đẳng giới. Các văn bản pháp luật mang tính bước ngoặt, định hình các giá trị hôn nhân và gia đình hiện đại sau đó Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959, sửa đổi năm 1986, 2000, 2014, Luật Bình đẳng giới 2007, v.v. tạo nên những bước ngoặt phá vỡ và điều chỉnh quan hệ hôn nhân - gia đình theo hướng tiến bộ hơn, từ chế độ hôn nhân phong kiến lạc hậu chuyển sang chế độ hôn nhân tiến bộ một vợ, một chồng, hôn nhân dựa trên tình yêu, giảm quyền uy của cha mẹ trong sắp đặt hôn nhân của con cái và hạn chế những tệ nạn trong hôn nhân và gia đình thời kỳ phong kiến, tạo nên những thay đổi về vị thế, vai trò của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Tuy

nhiên, các nghiên cứu gần đây vẫn cho thấy sự dai dẳng của bất bình đẳng giới và định kiến giới trong các quan hệ gia đình và xã hội, như mất cân bằng giới tính khi sinh, phụ nữ vừa đi làm vừa đảm nhiệm vai trò chăm sóc và nội trợ, mức độ đại diện thấp của phụ nữ trong hệ thống lãnh đạo quản lý, bất bình đẳng giới trong tiền lương/tiền công, phân công lao động trong gia đình, vẫn chủ yếu hướng nam ngoại nữ nội truyền thống, bất chấp khung chính sách và pháp lý ưu tiên bình đẳng giới ở Việt Nam trong nhiều thập niên qua. Nữ giới có xu hướng tự trói buộc, tự định kiến mình trong những khuôn vàng thước ngọc của quan điểm giới trước đây như đồng ý tạo điều kiện cho chồng trong nghề nghiệp (Trần Thị Minh Thi, 2019). Vì thế, giới là yếu tố thể hiện cho hiện đại hóa và văn hóa.

Mô hình sống của gia đình Việt Nam nói chung và của người cao tuổi nói riêng mang dấu ấn đặc điểm văn hóa và phản ánh những chuyển biến về cơ cấu gia đình cũng như đặt ra những vấn đề về chăm sóc, an sinh xã hội (Trần Thị Minh Thi, 2016) và cả sự tham gia xã hội. Trong quá khứ, sống một mình khi về già thường được đánh đồng với sự cô lập xã hội hoặc bị gia đình xao lãng, nhưng tỷ lệ NCT sống một mình hay với bạn đời tăng lên trong thời gian gần đây cho thấy đây lại là một lựa chọn. Những người cao tuổi sống với bạn đời thường mang những đặc điểm nguồn lực kinh tế xã hội tốt hơn như người sống ở phía Nam, ở khu vực đô thị, có mức sống khá giả, có bảo hiểm y tế, mức sống khá, là nam giới, có khả năng tự chủ, có điều kiện và có mạng lưới hỗ trợ tài chính. Nhóm NCT sống với con thường ở những khu vực còn lưu giữ nhiều đặc điểm truyền thống như nông thôn, hay ảnh hưởng mạnh hơn của đạo hiếu theo Nho giáo như miền Bắc, và tuổi cao. Nhiều NCT mặc dù có thể sống độc lập được, vẫn chọn sống cùng con cháu để hỗ trợ cho con cháu việc nhà, thể hiện mối quan tâm, gắn bó giữa các thành viên gia đình.

Trong khi đó, nhóm NCT sống một mình thường ở khu vực nông thôn, tuổi cao, mức sống nghèo, nhiều nữ giới, ít làm việc trong khu vực nông nghiệp, không có con cháu chăm sóc hàng ngày, và cần tới sự giúp đỡ của những mạng lưới an sinh xã hội bên ngoài gia đình như chính quyền, đoàn thể hay họ hàng (Trần Thị Minh Thi, 2016, 2019; Trịnh Duy Luân và Trần Thị Minh Thi, 2017). Những đặc điểm sắp xếp nơi ở, vì thế, có thể ảnh hưởng tới sự tham gia chính trị xã hội của NCT.

Gia đình truyền thống nhấn mạnh mối quan hệ gắn kết cha mẹ và con cái (Inglehart và Baker, 2000), và gắn liền với xã hội nông nghiệp, ngược lại với các giá trị thế tục-lý trí, ít quan tâm chăm sóc cha mẹ, con cái, gắn liền với xã hội công nghiệp, từ xã hội hiện đại sang hậu hiện đại (Beck và Beck, 2002). Gia

đình Việt Nam hiện nay có quy mô ngày càng nhỏ hơn với quy mô trung bình 3.4 người (GSO, 2019) cho thấy xu hướng hạt nhân hóa gia đình khá rõ nét.

Do mức độ tham gia rộng rãi của phụ nữ trong thị trường lao động và việc làm (GSO, 2018), thiếu các dịch vụ chăm sóc trẻ dưới 3 tuổi (Trần Thị Minh Thi, 2016), các gia đình Việt Nam tiếp tục coi trọng giá trị con cái và muốn sinh con (Trần Thị Minh Thi, 2020) với tổng tỷ suất sinh năm 2019 là 2,09 con (GSO, 2019), và mức độ gắn kết cha mẹ con cái, các quan hệ gia đình vẫn chặt chẽ (Nguyễn Hữu Minh, 2019), thì các yếu tố thể hiện quan hệ gia đình truyền thống như giúp đỡ con cái chăm sóc, đưa đón cháu đi học, hay làm nội trợ được phân tích như các yếu tố văn hóa có thể ảnh hưởng đến vai trò chính trị xã hội của NCT.

Các yếu tố thường được các nhà nghiên cứu sử dụng để đo lường mức độ hiện đại hóa hoặc cụ thể hơn là các nguồn lực kinh tế xã hội bao gồm nơi cư trú, học vấn, tình trạng việc làm. Học vấn thấp thường đi kèm với kết hôn sớm, sinh con sớm (Hirschman và Rindfuss, 1980) hay học vấn cao thường là đặc điểm của nhóm kết hôn muộn, không sinh con (Caldwell, 1989) hay tăng cao chi phí đầu tư chăm sóc con cái do những mong đợi văn hóa xã hội đối với con cái cao hơn (Waite và Moore, 1978). Trình độ học vấn càng cao, mức độ hiện đại hóa và tự chủ càng cao, mang đến những quan niệm, niềm tin, mong đợi mang tính hiện đại hơn về giá trị gia đình so với nhóm có trình độ học vấn thấp hơn. Nhóm có học vấn thấp hơn có mức ủng hộ với các giá trị gia đình truyền thống mạnh mẽ như ủng hộ việc phụ nữ tập trung nhiều hơn cho gia đình, đông con (Trần Thị Minh Thi, 2019). Học vấn càng cao thì tham gia thị trường lao động càng thấp do thị trường việc làm cho NCT hiện nay chủ yếu là công việc giản đơn và NCT có học vấn cao thì khả năng tiết kiệm và an sinh đảm bảo hơn do tính chất nghề nghiệp khi còn ở độ tuổi lao động. Một số nghiên cứu cũng cho thấy cả tác động cùng chiều và ngược chiều đến tham gia xã hội (Wichie-Tyndate và cộng sự, 2016).

Đô thị hóa và hiện đại hóa là hai yếu tố song hành. Cư dân đô thị thường có học vấn cao hơn, nhiều cơ hội việc làm hơn, tính năng động xã hội cao hơn, các dịch vụ xã hội đầy đủ hơn (Mauldin và Segal, 1998) trong khi đó, cư dân nông thôn thường có gắn kết gia đình, họ hàng, cộng đồng chặt chẽ hơn (Goode, 1982). Khu vực đô thị hiện có thu nhập gấp đôi khu vực nông thôn, sinh ít con hơn (GSO, 2019): trong khi gia đình nông thôn duy trì rõ nét hơn mô hình chung sống truyền thống là cha mẹ ở cùng con cái và gắn bó cộng đồng mạnh hơn (Trần Thị Minh Thi, 2019). Khu vực có thu nhập cao hơn cũng cho thấy tuổi kết hôn lần đầu chậm hơn, tuổi sinh con lần đầu cao hơn. Người

dân nông thôn thể hiện sự bảo lưu đậm nét các giá trị hôn nhân, gia đình truyền thống. NCT khu vực nông thôn phải làm việc kiếm sống nhiều hơn ở đô thị (Giang Thanh Long & Le Thi Ly, 2015).

Các đặc điểm thể hiện chất lượng nguồn an sinh như nguồn thu nhập, thu nhập của con cái có liên quan đến sự tham gia xã hội (Serat và Celdran, 2015). Số con và mức độ hỗ trợ của con cái đến NCT cũng ảnh hưởng đến vai trò và sự tham gia xã hội vì đó như một mạng lưới bao vệ và sự an tâm trong cuộc sống của NCT.

Người Việt Nam coi trọng giá trị con cái, và một trong những giá trị quan trọng của con cái là lưới an sinh của cha mẹ khi về già [trẻ cây cha, già cây con], [con cái là cua để dành], trong bối cảnh các dịch vụ xã hội chăm sóc NCT còn chưa phát triển, mức độ tích lũy tài sản bảo đảm khi về già thấp (Trịnh Duy Luân và Trần Thị Minh Thi, 2017) và đạo hiếu là một truyền thống văn hóa tốt đẹp đang tiếp tục được giữ gìn (Trần Thị Minh Thi, 2019). Một số nghiên cứu cho thấy con cái và cha mẹ hỗ trợ nhau trên ba khía cạnh chính, là hỗ trợ tài chính, hỗ trợ việc nhà, và hỗ trợ tình cảm, và ở Việt Nam, chiều hỗ trợ từ con cái tới cha mẹ đang cao hơn (Trần Thị Minh Thi, 2016). Vì thế, giả thuyết đặt ra là, có con cái hỗ trợ thì mức độ tham gia chính trị xã hội của NCT càng cao vì họ có nguồn bảo đảm tài chính cho cuộc sống, không phải lo mưu sinh. Tuy nhiên, có nhiều con không có nghĩa là có nguồn bảo đảm tốt hơn, do nhóm có nhiều con cũng là nhóm thường mang đặc điểm kinh tế xã hội thấp như nghèo (Trần Thị Minh Thi, 2019) và nếu có nhiều con thì NCT có thể khó có nhiều thời gian để phân đầu, tham gia các hoạt động xã hội do gánh nặng chăm sóc, chi phí nuôi dạy con, và hỗ trợ con cái các việc khác, khi mà mối quan hệ cha mẹ con cái chặt chẽ như xã hội Việt Nam. Tổng tỷ suất sinh giảm mạnh quanh ngưỡng mức sinh thay thế, cùng với đó là tuổi thọ bình quân cao hơn, và di cư nhiều hơn, ảnh hưởng mạnh đến mối quan hệ cha mẹ con cái và nhu cầu tái cấu trúc lại cuộc sống cá nhân và gia đình của người cao tuổi để thích nghi với những biến đổi chung.

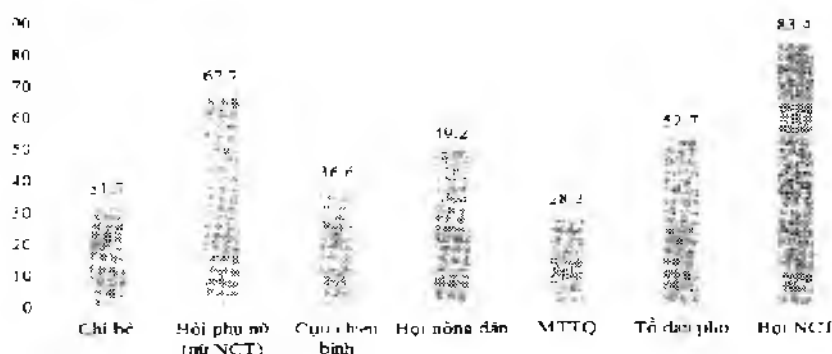
#### **4. Tính tích cực chính trị xã hội của người cao tuổi**

##### ***4.1. Mức độ tham gia sinh hoạt các tổ chức chính trị xã hội***

Người cao tuổi tham gia hầu hết các tổ chức chính trị xã hội địa phương (Biểu đồ 1). Tổ chức có nhiều NCT tham gia nhất là Hội người cao tuổi, vì đây là tổ chức được thành lập dành riêng cho người cao tuổi sinh hoạt (83,4%). Đứng thứ hai là tham gia các hoạt động của thôn, tổ dân phố, tổ chức xã hội tư quản các vấn đề dân sinh, cộng đồng cũng như triển khai các chủ trương, chính

sách liên quan đến người dân (52,7%). Có trên một nửa người cao tuổi tham gia, vì tính chất của tổ chức này thường là mời đại diện hộ gia đình, nên trong trường hợp NCT ở với con cái, thì con cái có thể là đại diện gia đình tham gia sinh hoạt tại tổ dân cư, dân phố. Ngoài ra, các tổ chức chính trị xã hội chính khác NCT tham gia bao gồm hội nông dân, hội cựu chiến binh, chi bộ, mặt trận tổ quốc. Tỷ lệ người cao tuổi tham gia chi bộ là 31,7%, cho thấy tỷ lệ người cao tuổi là đảng viên tại các địa phương được khảo sát. Hội phụ nữ là tổ chức dành riêng cho phụ nữ, và có 67% nữ người cao tuổi tham gia sinh hoạt tại tổ chức này (Biểu đồ 1). Ngoài ra, NCT còn tham gia vào các tổ chức, hội, nhóm phi chính thức khác, như đoàn hội tôn giáo, các câu lạc bộ, v.v.

**Biểu đồ 1. Tỷ lệ NCT tham gia các tổ chức chính trị xã hội tại địa phương (%)**



Các phỏng vấn sâu khẳng định vai trò quan trọng của NCT trong các hoạt động chính trị xã hội địa phương, trong bối cảnh di cư nông thôn đô thị của người trẻ tăng cao và sự ưu tiên phát triển kinh tế của nhóm người trẻ, v.v.

*"NCT tham gia đời sống chính trị nhiều nhất. Hiện nay ở địa phương các vị trí như Bí thư chi bộ, trưởng thôn, chỉ huy các thôn hầu hết là NCT nhận làm, vì thanh niên và trung niên đi làm xa nhiều, và NCT cũng có uy tín nhiều hơn. Đối tượng thanh niên nghĩ về kinh tế nhiều hơn nên không mặn mà nhiều với công tác đoàn thể cộng đồng. NCT có điều kiện kinh tế hơn, cũng muốn đóng góp cho quê hương. Họ là nòng cốt trong các hoạt động chính trị xã hội bây giờ ở cấp cơ sở"* (Nam, lãnh đạo địa phương, Ninh Bình).

#### **4.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia các tổ chức chính trị xã hội của người cao tuổi**

##### **4.2.1 Chi bộ**

Số liệu ở Biểu đồ 2 cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến mức độ tham gia sinh hoạt chi bộ của người cao tuổi bao gồm tất cả các



nhóm yếu tố nhân khẩu, văn hóa, hiện đại hóa và an sinh, nhưng mức độ khác nhau. Theo các đặc điểm nhân khẩu, sức khỏe, tình trạng hôn nhân và mức sống có ảnh hưởng đến ý nghĩa thống kê đến mức độ tham gia chi bộ. Nhóm người cao tuổi có sức khỏe tốt hơn tham gia nhiều hơn nhóm có sức khỏe kém (36,5% và 24,7%); người cao tuổi đang có vợ/chồng tham gia nhiều hơn nhóm không có vợ/chồng (37,7% so với 15,9%), người cao tuổi có mức sống cao hơn tham gia tích cực hơn nhóm nghèo (34,7% so với 13,3%). Nói cách khác, NCT có nguồn lực tốt hơn thì tham gia nhiều hơn.

Trong nhóm các yếu tố văn hóa, chỉ có giới tính người cao tuổi ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến mức độ tham gia chi bộ, còn lại các yếu tố khác như chăm sóc cháu, nội trợ, hay mô hình sống đều không ảnh hưởng. Điều này do tính chất tham gia sinh hoạt chi bộ là theo điều lệ Đảng, mang tính chất bắt buộc, nên dù mang đặc điểm nào, người đang viên đều tham gia sinh hoạt đảng đầy đủ. NCT nữ tham gia sinh hoạt chi bộ thấp hơn phản ánh mức độ đại diện thấp hơn của phụ nữ trong Đảng cộng sản Việt Nam nói riêng và trong hệ thống chính trị nói chung (Trần Thị Minh Thi, 2016). Trong mô hình hồi quy (Bảng 1), biến số giới tính tiếp tục là một yếu tố có ảnh hưởng cùng chiều với việc tham gia sinh hoạt chi bộ, theo đó, người cao tuổi là nam giới tham gia sinh hoạt chi bộ nhiều hơn nữ giới 1,2 lần.

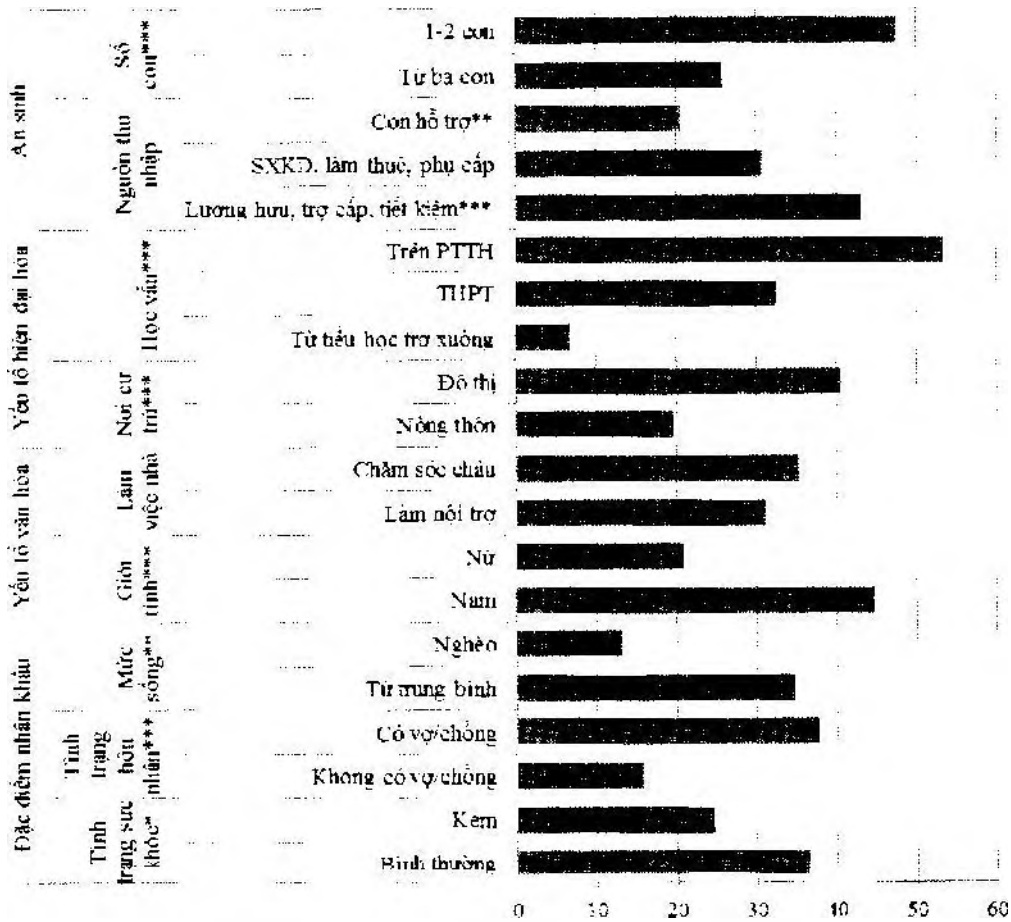
Mức độ hiện đại hóa ảnh hưởng khá mạnh mẽ đến việc người cao tuổi là đang viên tham gia sinh hoạt chi bộ. Các nhóm có mức độ hiện đại hóa cao, có nguồn lực kinh tế xã hội cao hơn, cũng là nhóm xã hội có đặc điểm ưu tú hơn, có khả năng được bồi dưỡng đứng trong hàng ngũ của Đảng, so với nhóm có đặc điểm kinh tế xã hội thấp hơn.

*"Cán bộ hưu trí, đang viên tham gia nhiệt tình vào các việc chung. Các cụ lão làng gắn liền với tập thể, trường họ nên có uy tín với xóm giềng, với gia đình"*  
(Cán bộ thôn, Ninh Bình).

Địa bàn cư trú là yếu tố có ảnh hưởng mạnh đến tham gia chi bộ. Có 40,6% NCT đô thị là đang viên, trong khi tỷ lệ này ở nông thôn là 19,6%. Có thể do đô thị tập trung nhiều người có học vấn cao, có vị trí việc làm và xã hội cao, là nhóm xã hội ưu tú được xem xét kết nạp Đảng nhiều hơn. Học vấn là yếu tố có ảnh hưởng rất mạnh ở cả tương quan hai chiều và hồi quy đa biến. Có 53,3% NCT có học vấn trên PTHI tham gia chi bộ, giảm xuống còn 32,6% với nhóm có học vấn trung học, và chỉ còn 6,8% với nhóm có học vấn dưới tiểu học (Biểu đồ 2). Mô hình 1 của Bảng 1 cho thấy, người cao tuổi có học vấn càng cao thì mức độ tham gia sinh hoạt chi bộ càng cao. Như vậy, nhóm đang viên NCT đa phần là nhóm mang nguồn lực kinh tế, xã hội cao. Với tính chất

Đảng lãnh đạo toàn diện, những NCT sinh hoạt trong chi bộ cũng là nhóm có tiếng nói, vị trí quan trọng trong cộng đồng.

**Biểu đồ 2. Tỷ lệ có tham gia chi bộ theo các đặc điểm kinh tế xã hội (%)**



Theo các đặc điểm an sinh xã hội, có nguồn thu nhập từ lương hưu, trợ cấp, tiết kiệm, tức là có các nguồn bảo đảm thường xuyên và có con cái hỗ trợ tài chính có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến việc NCT là đảng viên tham gia sinh hoạt tại chi bộ. Theo đó, những người có nguồn thu nhập bảo đảm khi về già như có lương hưu, có trợ cấp, có tiết kiệm, có con cái hỗ trợ, thì ít tham gia sinh hoạt chi bộ hơn nhóm không có (Bảng 1). Số con là biến số có ý nghĩa thống kê, theo đó, những NCT có ít con thì tham gia sinh hoạt chi bộ cao hơn (Biểu đồ 2). Theo đặc điểm đoàn hệ, hầu hết NCT được kết nạp Đảng viên sau khi Việt Nam thực hiện chính sách dân số năm 1961 nhằm kiểm soát mức sinh, sau đó là chính sách dân số toàn diện năm 1988, trong đó có quy định mỗi cặp vợ chồng chỉ được có từ 1-2 con, tiếp theo là

Pháp lệnh Dân số năm 2003, thi đảng viên, với vai trò nêu gương, và nắm vai trò lãnh đạo quản lý, thường bị kiểm soát mức sinh ngặt nghèo hơn. Vì thế, số liệu cho thấy NCT có 1-2 con thì có tỷ lệ là đảng viên, tham gia sinh hoạt chi bộ cao hơn so với nhóm có từ ba con trở lên (47,6% so với 25,9%) (Biểu đồ 2). Số con ít hơn cũng có thể liên quan đến việc giảm bớt gánh nặng chăm sóc, nuôi dạy nên có thể tập trung nhiều hơn cho công hiến và đóng góp ở một tổ chức chính trị đặc biệt, và quan trọng, như chi bộ. Mô hình hội quy tiếp tục khẳng định số con có ý nghĩa thống kê với mức độ tham gia sinh hoạt chi bộ (Bảng 1).

#### 4.2.2 Thôn, tổ dân phố

Tổ chức xã hội tiếp theo là thôn, tổ dân phố. Đây là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn, là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của cấp trên giao (Thông tư 04/2012/TT-BNV). Các hoạt động chính của thôn, tổ dân phố là trên cơ sở cộng đồng dân cư: i) quyết định chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình phúc lợi công cộng; ii) tham gia ý kiến, và biểu quyết đề cấp có thẩm quyền quyết định về các công việc của thôn, tổ dân phố và của cấp xã; iii) xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; tham gia tự quản trong việc giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội và vệ sinh môi trường; giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa tốt đẹp ở địa phương, phòng, chống các tệ nạn xã hội; iv) thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; tham gia, hưởng ứng các phong trào, cuộc vận động do Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phát động (Thông tư 14/2018/TT-BNV). Như vậy, các hoạt động của tổ dân phố liên quan trực tiếp, liên tục tới quyền lợi và trách nhiệm công dân sinh sống tại địa bàn cư trú đó.

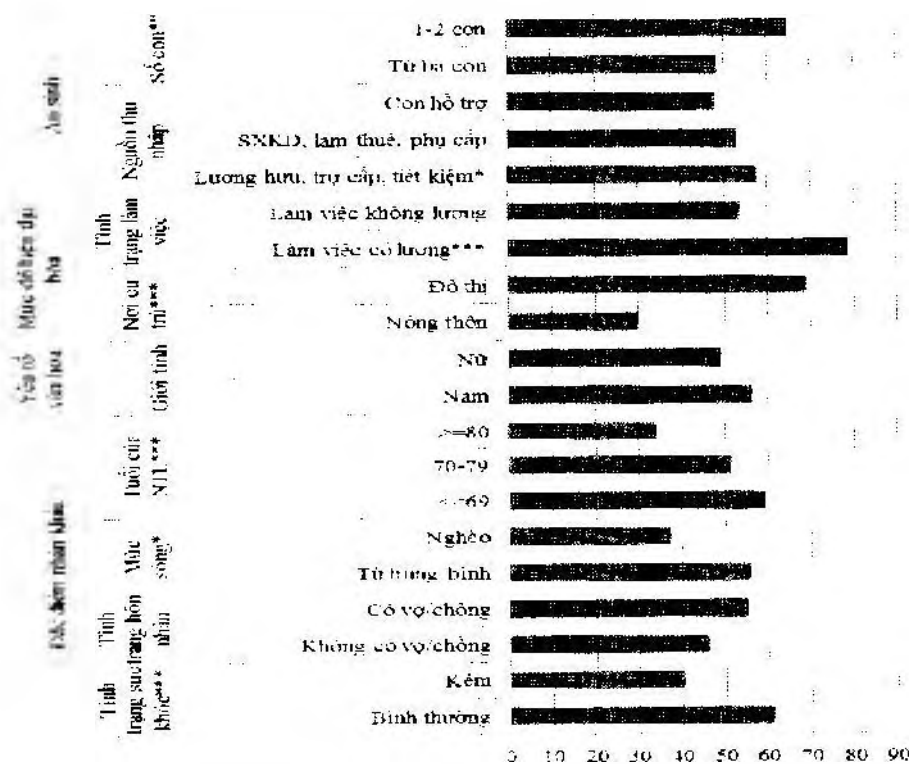
Trong các đặc điểm nhân khẩu, sức khỏe, tuổi và mức sống có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê trong khi tình trạng hôn nhân không ảnh hưởng. Cụ thể, NCT có sức khỏe tốt hơn thì tỷ lệ tham gia cao hơn, NCT có mức sống cao hơn thì tỷ lệ tham gia cũng cao hơn (Biểu đồ 3). Tỷ lệ NCT tham gia tổ dân phố giảm dần khi tuổi NCT tăng dần. Cụ thể, có 59,4% NCT dưới 69 tuổi tham gia tổ dân phố, giảm còn 51,6% cho nhóm tuổi 70-79 và giảm thấp nhất còn 34,1% cho nhóm trên 80 tuổi.

Các đặc điểm văn hóa không có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê nào đến việc tham gia sinh hoạt tại tổ dân phố, vì như tính chất và đặc điểm của tổ

chức này, thì việc tham gia là để đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của công dân với địa bàn cư trú nói chung, không liên quan tới những rào cản kim hãm hay thúc đẩy sự tham gia từ định kiến giới nói chung.

Theo mức độ hiện đại hóa, NCT sinh sống ở khu vực đô thị tham gia sinh hoạt thôn, tổ dân phố cao hơn so với NCT ở nông thôn (69,3% so với 29,7%). NCT làm việc có lương có mức độ tham gia cao hơn so với NCT làm việc không lương (78,9% so với 53,9%). Và ví thể, NCT có nguồn thu nhập ổn định như lương hưu, trợ cấp, tiết kiệm thì tham gia tổ dân phố cao hơn nhóm đang làm thuê, hay hoạt động kinh doanh, sản xuất bận rộn hơn. Yếu tố an sinh là số con cũng có tác động đáng kể đến mức độ tham gia tổ dân phố. Theo đó, NCT có 1-2 con thì tham gia sinh hoạt thôn, tổ dân phố cao hơn nhóm có từ 3 con trở lên (64,8% so với 48,4%) (Biểu đồ 3).

**Biểu đồ 3. Tỷ lệ NCT tham gia tổ dân phố theo các đặc điểm kinh tế xã hội (%)**



Trong mô hình hồi quy ở Bảng 1, các biến số sức khỏe, tuổi, có trách nhiệm chăm sóc và đưa đón cháu, nơi cư trú và có con hỗ trợ là các biến số có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến việc tham gia sinh hoạt thôn, tổ dân phố của NCT. Khi kiểm soát với các biến số khác, mức sống và nguồn

thu nhập từ lương, trợ cấp, tiết kiệm không còn ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê.

Các chiều ảnh hưởng của các biến số tuổi, sức khỏe, nơi cư trú tương tự như tương quan hai chiều. Ngoài ra, biến số NCT có trách nhiệm chăm sóc, đưa đón cháu đi học trở nên có ý nghĩa thống kê khi kiểm soát cùng các biến số khác, và trách nhiệm này làm giảm khả năng tham gia sinh hoạt tổ dân phố của NCT. NCT có con cái hỗ trợ cũng ít tham gia tổ dân phố hơn so với nhóm không có con cái hỗ trợ. Các yếu tố ảnh hưởng này cho thấy khi mối quan hệ gia đình gắn bó, duy trì khuôn mẫu truyền thống về quan hệ hỗ trợ cha mẹ-con cái, thì NCT cũng ít tham gia vào các tổ chức tự quản cộng đồng hơn. Trong những trường hợp này, đại diện hộ gia đình khác có thể tham gia.

#### 4.2.3 Hội Người cao tuổi

Nhìn chung, tỷ lệ NCT tham gia vào Hội NCT cao hơn so với mức độ tham gia vào các tổ chức chính trị xã hội chung khác (Biểu đồ 4). Tuy nhiên, mức độ tham gia của NCT có những đặc điểm khá đặc trưng.

Trong khoảng ba thập niên vừa qua, dân số Việt Nam đã thay đổi về ca số lượng và cấu trúc. Số người cao tuổi từ 60 trở lên tăng từ 7,1% năm 1989 lên 10,2% năm 2014 và tăng lên 13,5% năm 2018 (GSO, 2016, 2018), cho thấy Việt Nam đã bắt đầu thời kỳ già hóa dân số. Dân số 65 tuổi trở lên chiếm 7,7% năm 2019 (GSO, 2019).

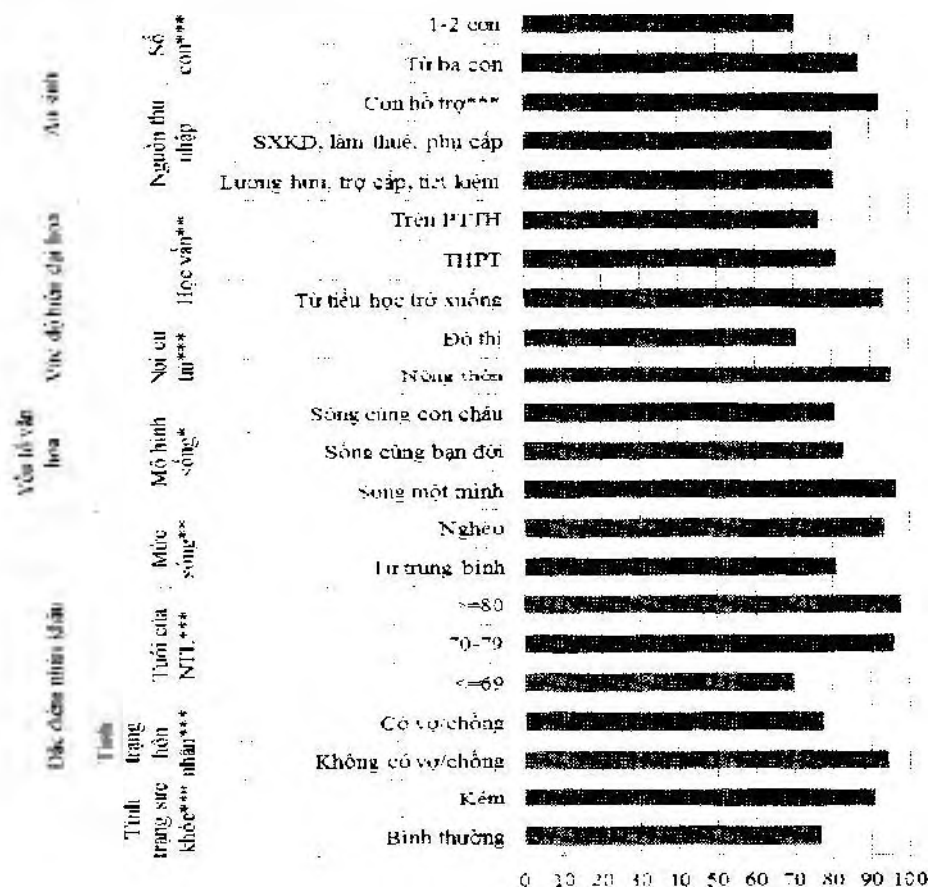
Các yếu tố có ảnh hưởng mang ý nghĩa thống kê đến việc tham gia sinh hoạt Hội NCT bao gồm sức khỏe, tình trạng hôn nhân, mức sống, tuổi, nơi cư trú, học vấn, tình trạng việc làm và có con hỗ trợ.

Xu hướng tham gia các tổ chức chính trị xã hội nói chung, là sức khỏe càng tốt, tuổi càng trẻ, thì tham gia càng nhiều. Không theo xu hướng như vậy, những NCT có sức khỏe tốt hơn tham gia Hội NCT ít hơn so với người có sức khỏe kém (77,3% so với 91,1%). Điều này được lý giải thêm từ yếu tố tuổi, theo đó, tuổi của NCT càng cao sức khỏe kém hơn, thì mức độ tham gia sinh hoạt tại Hội NCT càng cao. ở cả phân tích tỷ lệ phần trăm của tương quan hai chiều (Biểu đồ 4) và ở mô hình hồi quy (Bảng 1). Như vậy, khi tuổi cao hơn, sức khỏe yếu hơn, NCT có xu hướng rút lui khỏi các hoạt động chính trị xã hội mà dành thời gian nhiều hơn cho tổ chức dành riêng cho chăm sóc sức khỏe, tinh thần, tình cảm của người cao tuổi. Việc tham gia nhiều hơn vào tổ chức người cao tuổi khi tuổi cao hơn, sức khỏe kém hơn cho thấy tầm quan trọng trong chuẩn bị các yếu tố tâm lý, tình cảm cho tuổi già của NCT nói chung của tổ chức Hội NCT. Với chức năng hỗ trợ NCT sống vui, sống khỏe, sống có ích,

Hội NCT lập hợp NCT góp phần thực hiện các chương trình kinh tế - văn hoá - xã hội; giáo dục thế hệ trẻ, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hoá, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; đồng thời làm nòng cốt trong phong trào toàn dân chăm sóc, phụng dưỡng, phát huy vai trò người cao tuổi; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người cao tuổi.v.v. (Quyết định số 285/QĐ-BNV ngày 30/3/2012 của Bộ Nội vụ về Điều lệ Hội NCT Việt Nam).

Người cao tuổi góa, ly thân, ly hôn, không kết hôn có tỷ lệ tham gia vào Hội NCT cao hơn so với nhóm đang kết hôn (78,1% so với 94,8%). hàm ý mức độ gắn bó với Hội NCT cao hơn ở nhóm cô đơn khi không có bạn đời và/hoặc con cái đã trưởng thành. Đặc điểm này cũng theo xu hướng tương tự với mô hình sống, là khi NCT sống với con cái, lúc là có mức độ gắn kết gia đình, không cô đơn, có chỗ dựa ổn định về tài chính, tinh thần, thì tỷ lệ tham gia Hội NCT thấp hơn so với nhóm NCT cô đơn, ở một mình (80,9% so với 97%).

**Biểu đồ 4. Tỷ lệ NCT tham gia vào Hội NCT (%)**



Mức sống nghèo hơn thì NCT tham gia sinh hoạt NCT cao hơn. Theo số con, người cao tuổi đồng con hơn tham gia hội người cao tuổi cao hơn so với nhóm ít con hơn. Những đặc điểm nhân khẩu trên cho thấy Hội NCT có ý nghĩa giá đỡ tinh thần, hỗ trợ chăm sóc NCT quan trọng, nhất là với NCT có ít nguồn lực kinh tế xã hội hơn và ở giai đoạn khó khăn hơn về sức khỏe và tuổi tác.

Theo mức độ hiện đại hóa, NCT có những nguồn lực kinh tế xã hội thấp hơn như sinh sống ở nông thôn, học vấn thấp hơn, thì có tỷ lệ tham gia hội NCT hơn khá nhiều. Xu hướng này được khẳng định ở cả phân tích hai chiều và phân tích hồi quy. Những người cao tuổi ở nông thôn tham gia Hội NCT cao hơn 2,1 lần so với người cao tuổi ở đô thị (Bảng 1), có thể do các mạng lưới xã hội đã phát triển nhiều hơn theo hướng cá nhân hóa, còn các quan hệ xã hội ở nông thôn tiếp tục lưu giữ tính cộng đồng.

Theo các đặc điểm về nguồn lực an sinh, những NCT có con cái hỗ trợ tài chính thì cũng tham gia sinh hoạt cao hơn do họ ít chịu áp lực về mưu sinh và có thể dành thời gian cho các hoạt động cùng với cộng đồng tại Hội NCT. Đây cũng là một tổ chức khi NCT rút lui khỏi các hoạt động chính trị xã hội thì về tham gia sinh hoạt và NCT có nguồn lực kinh tế xã hội thấp hơn thì thời gian tham gia Hội NCT nhiều hơn.

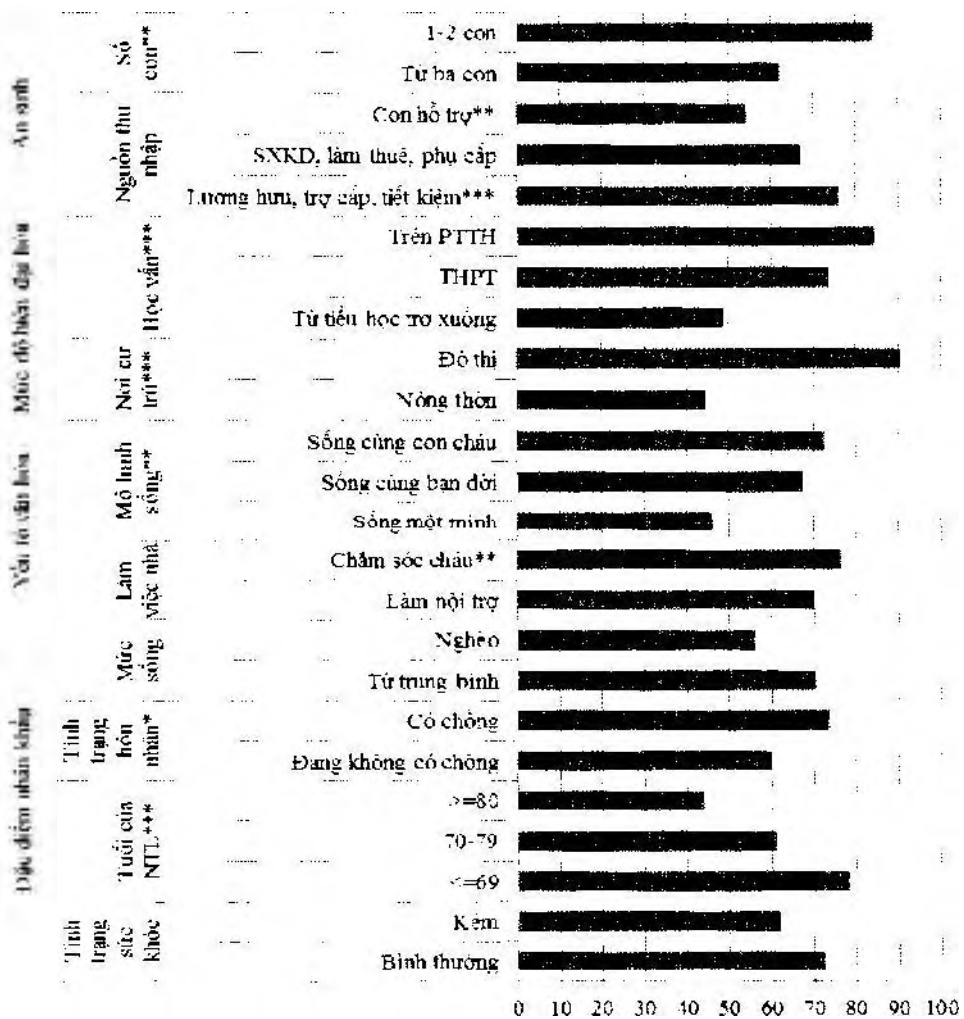
#### 4.2.4 Hội Phụ nữ

Mức độ tham gia Hội Phụ nữ có khác nhau giữa các nhóm xã hội. Các yếu tố ảnh hưởng có ý nghĩa thống kê đến việc phụ nữ tham gia Hội bao gồm tình trạng hôn nhân, tuổi, có trách nhiệm chăm sóc, đưa đón cháu, mô hình sống, nơi cư trú, học vấn, nguồn thu nhập và số con. Những phụ nữ đang có chồng thì có tỷ lệ tham gia Hội phụ nữ cao hơn so với nhóm đang không có chồng. Những phụ nữ sống cùng con cháu cũng tham gia hội phụ nữ nhiều hơn. Trách nhiệm chăm sóc đưa đón cháu có ảnh hưởng tích cực đến việc tham gia hội phụ nữ. Nhóm phụ nữ có đơn như sống một mình, hay không có bạn đời bên cạnh, thể hiện tính tích cực xã hội thấp hơn hẳn (Biểu đồ 5). Các nghiên cứu cho thấy phụ nữ Việt Nam có sự gắn bó chặt chẽ với gia đình, là người chăm sóc chính, kết nối tình cảm các thành viên. Phụ nữ Việt Nam cũng cho thấy mức độ tham gia cao trong thị trường lao động (GSO, 2019). Ví thể, khi tuổi già tới, việc vừa tham gia chăm sóc, hỗ trợ gia đình, vừa tham gia hoạt động xã hội không phải là một khó khăn mà chính tình trạng hôn nhân tốt đẹp, sự gắn bó chặt chẽ giữa cha mẹ và con cái, hay nói cách khác, là quan hệ gia đình tốt đẹp, có ảnh hưởng tích cực đến tâm lý, tình cảm của phụ nữ, là động lực thúc đẩy họ tham gia các hoạt động xã hội. Trong quá trình hiện đại hóa,

công nghiệp hóa, nhưng áp lực và bận rộn cuộc sống là khó khăn nhưng gia đình chính là một van an toàn giúp cá nhân cân bằng cuộc sống. Những áp lực, gánh nặng từ trách nhiệm nội trợ, chăm sóc không phải lúc nào cũng là một rào cản tham gia, nhất là với NCT đã không còn nhiều áp lực công việc, bởi những điều đó giúp NCT bớt cô đơn tuổi già, và tận hưởng niềm vui và viên mãn tuổi già bên con cháu theo quan điểm Á đông.

*"Tôi tuổi già thì sức khoẻ, tình tình thay đổi, nếu con cháu yêu thương đùm bọc thì sống cùng con cháu là tốt nhất vì NCT có nhiều kinh nghiệm dạy bảo con cháu. Nếu trong gia đình hoà thuận là tốt nhất, tốt hơn ở riêng. Người già sợ cô độc lắm"* (Nữ, NCT, Ninh Bình).

**Biểu đồ 5. Tỷ lệ nữ cao tuổi tham gia sinh hoạt Hội phụ nữ theo các đặc điểm kinh tế xã hội (%)**





**Bảng 1. Hồi quy logistic về các yếu tố ảnh hưởng đến tham gia tổ chức chính trị - xã hội của NCT**

Biến độc lập	Biến phụ thuộc		
	Có tham gia sinh hoạt chi bộ	Có tham gia sinh hoạt tổ dân phố	Có tham gia hội NCT
Intercept	3,629 (3,838)	5657 (2,941)	
Cox and Snell R Square	0,31	0,211	0,327
N	199	227	270
<b>Nhóm biến số về đặc điểm nhân khẩu</b>			
Tình trạng sức khỏe	Sức khỏe kém (BHC)		
Sức khỏe bình thường	0,110 (0,444)	<b>0,865* (0,326)</b>	-0,220 (535)
Tuổi	-0,012 (0,037)	<b>-0,049* (0,028)</b>	<b>0,329*** (0,063)</b>
Mức sống tự nhận	Nghèo (BDC)		
Mức sống trung bình	0,670 (0,790)	0,172 (0,453)	-0,293 (0,893)
Tình trạng hôn nhân	Không có vợ/chồng (BDC)		
Đang có vợ/chồng	0,703 (0,655)	<b>-0,274 (0,470)</b>	-0,292 (0,786)
<b>Nhóm biến số về văn hóa</b>			
Giới tính	Nữ (HDC)		
Nam	<b>1,213** (0,424)</b>	0,470 (0,336)	-0,306 (0,486)
Làm nội trợ	-0,820 (0,846)	0,805 (0,674)	0,085 (0,929)
Chăm sóc, đưa đón cháu	-0,179 (0,450)	<b>-0,089* (0,346)</b>	-0,213 (0,496)
Mô hình sống	Sống một mình (BDC)		
Sống cùng bạn đời	-1,090 (1,031)	-0,683 (0,729)	0,429 (1,449)
Sống cùng con cháu	-0,413 (0,987)	-0,874 (0,643)	0,661 (1,383)
<b>Nhóm biến số hiện đại hóa</b>			
Nơi cư trú	Đô thị (BDC)		
Nông thôn	0,446 (0,511)	<b>-1,840*** (0,392)</b>	<b>2,186*** (0,642)</b>
Học vấn (số năm đi học)	0,571** (0,209)	-0,183 (0,167)	-0,202 (0,266)
<b>Nhóm biến số về an sinh xã hội</b>			
Nguồn thu nhập			
Lương hưu, trợ cấp, tiết kiệm	<b>-2,543*** (0,694)</b>	-0,546 (0,436)	0,400 (0,607)
SXKD, làm công, làm thuê, phụ cấp	-0,692 (0,451)	-0,106 (0,353)	0,712 (0,546)
Con cái hỗ trợ	<b>-0,069* (0,528)</b>	<b>-0,651* (0,375)</b>	-0,400 (0,632)
Có con trai	-0,367 (0,788)	0,950 (0,661)	-0,371 (0,941)
Có con gái	<b>-1,726*** (0,531)</b>	-0,166 (0,436)	-0,736 (0,633)

Phụ nữ cao tuổi thuộc nhóm trẻ tuổi hơn, chẳng hạn dưới 69 tuổi, thì tham gia hội cao hơn, điều này cũng tương tự xu hướng tham gia các tổ chức chính trị xã hội nói chung. Phụ nữ thuộc các nhóm có nguồn lực kinh tế, xã hội cao hơn như sinh sống ở đô thị, học vấn cao hơn, thì có tỷ lệ tham gia Hội phụ nữ cao hơn.

Các nguồn bảo đảm an sinh cho phụ nữ như có lương hưu, trợ cấp, tiết kiệm, có con cái hỗ trợ tài chính, thì có ảnh hưởng tích cực đến việc tham gia hội phụ nữ. Số con tiếp tục là yếu tố ảnh hưởng tương tự với sự tham gia các tổ chức chính trị xã hội chung, là càng ít con thì tham gia càng cao (Biểu đồ 5).

## 5. Kết luận

Người cao tuổi đang phát huy tài năng, trí tuệ và phẩm chất tốt đẹp, đóng góp kinh nghiệm và hiểu biết của mình vào sự nghiệp xây dựng đất nước. Nghiên cứu này cho thấy NCT là nòng cốt quan trọng tham gia các hoạt động chính trị, xã hội ở cộng đồng trong bối cảnh di cư, áp lực tập trung công việc của nhóm trẻ và uy tín xã hội cao của NCT tại địa phương.

Với các tổ chức chính trị xã hội chung, như chi bộ và tổ dân phố, thì mức độ NCT tham gia nhiều hơn với các nhóm có đặc điểm nhân khẩu xã hội tích cực như sức khỏe tốt hơn, tuổi trẻ hơn, mức sống cao; hay nguồn lực kinh tế xã hội tốt hơn như mức sống cao hơn, sống ở đô thị. Đặc biệt, học vấn có vai trò quan trọng trong tham gia chi bộ. Với các tổ chức đặc thù riêng cho NCT, như Hội NCT, thì NCT mang những đặc điểm nguồn lực thấp hơn như sức khỏe kém, tuổi cao, đơn thân, sống một mình, nghèo, ở khu vực nông thôn, v.v. thì tham gia nhiều hơn, cho thấy đây là một tổ chức mang ý nghĩa quan trọng đối với NCT, nhất là NCT có ít mạng lưới xã hội. Với người cao tuổi là phụ nữ, mức độ tham gia vào các tổ chức chính trị có vai trò quyết định cao, như chi bộ, thấp hơn so với người cao tuổi là nam. Những bảo đảm về an sinh như có nguồn thu nhập ổn định, có con cái hỗ trợ cũng là yếu tố ảnh hưởng quan trọng đến việc tham gia chính trị xã hội của NCT.

## Tài liệu trích dẫn

- Antonucci, T. C. 1985. "Personal characteristics, social networks and social behavior". In R. H. Binstock & F. Shanas (Eds.), *Handbook of aging and the social sciences* (2nd ed.) (pp. 94-128). Van Nostrand Reinhold, New York.
- Beck, U., Beck-Gernsheim, E. 2002. *Individualization: Institutionalized Individualism and its Social and Political Consequences*. London: Sage.

- Caldwell, John C. 1989. *Theories of Fertility Decline*. London: Academic Press. Ltd., London.
- Douglas, H.B., Georgiou, A., Westbrook, J. 2017. "Social participation as an indicator of successful aging: An overview of concepts and their associations with health. Aust". *Health Rev.* 41, pp.455–462.
- Giang Thanh Long, Le Thi I.y. 2015. "Determinants of Labor Force Participation of Older People in Vietnam". *The Journal of Economics and Development*. Vol. 17, No.2, pp. 28-52 | DOI: 10.33301/2015.17.02.02.
- Goode, W. 1982. *The family*. New Jersey: Prentice-hall.
- GSO. 2018. *Report on labor force survey in Quarter III, 2018*. Ha Noi: General Statistics Office of Vietnam.
- GSO. 2019. *The result of the 2019 Viet Nam population and housing census of 0:00 hours on 1 April 2019*. Ha Noi. Central Census Steering Committee
- Hirschman, C., Rindfuss, R. 1980. "Social, Cultural, and Economic Determinants of Age at Birth of First Child in Peninsular Malaysia". *Population Studies*. Vol. 34, pp.507-518.
- Inglehart, R., Baker, W. E. 2000. "Modernization, cultural change, and the persistence of traditional values". *American Sociological Review*, 65(1), pp.19-51. <https://doi.org/10.2307/2657288>.
- Mauldin, P., Segal, S. 1998. "Prevalence of Contraceptive Use: Trends and Issues". *Studies in Family Planning*. 19; pp.335-353.
- Nguyễn Hữu Minh. 2019. *Các đặc điểm cơ bản của hôn nhân ở Việt Nam hiện nay và các yếu tố tác động*. Báo cáo tổng hợp. Chương trình Nghiên cứu tổng thể về gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Ochiai, E. 2010. "Reconstruction of intimate and public sphere in Asia modernity: Familialism and beyond". *Journal of Intimate and Public Spheres*. Asian and Global Forum, Kyoto University Global COE Program. Pilot Issue, March.
- Ponce MSH, Rosas RPE, Lorca MBF. 2014. *Social capital, social participation and life satisfaction among Chilean older adults*. *Rev Saude Pública*. 48(5): 739–49.
- Savikko, N. 2008. *Loneliness of older people and elements of an intervention for its alleviation*.
- Serrat R, Villar, F., Celdrán, M. 2015. "Factors associated with Spanish older people's membership in political organizations: The role of active aging activities". *Euro J Ageing*. 2015; 12(3): 239–47.
- Tổng cục Thống kê (GSO). 2010. *Tổng điều tra dân số và nhà ở 2009. Phần II: Kết quả chủ yếu*. <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=512&idmid=5&ItemID=9812>.

- Tổng cục Thống kê (GSO). 2015. *Điều tra Dân số và Nhà ở giữa kỳ 2014: Cơ cấu tuổi, giới tính và một số vấn đề kinh tế xã hội ở Việt Nam*.
- Tổng cục Thống kê (GSO). 2016. *Kết quả chủ yếu Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2015*. Nxb. Thống kê.
- Tổng cục Thống kê (GSO). 2018. *Kết quả chủ yếu Điều tra biến động dân số và kế hoạch hóa gia đình thời điểm 1/4/2017*. Hà Nội.
- Trần Thị Minh Thi. 2016. *Bình đẳng giới trong chính trị từ chiều cạnh thể chế, văn hóa và hội nhập quốc tế*. Nxb. Khoa học xã hội. ISBN 978-604-956-041-5.
- Trần Thị Minh Thi. 2019. *Các giá trị cơ bản của gia đình Việt Nam hiện nay*. Báo cáo tổng hợp. Chương trình Nghiên cứu tổng thể về gia đình Việt Nam thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Mã số KHXH-GD/16-19/10. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
- Trình Duy Luân, Trần Thị Minh Thi. 2017. *Chăm sóc người cao tuổi trong xã hội Việt Nam đang chuyển đổi: Những chiều cạnh chính sách và cấu trúc*. Nxb. Khoa học xã hội. ISBN978-604-956-097-2.
- UNFPA & VNCA. 2019. *Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam*.
- Vogelsang, E.M. 2016. "Older adult social participation and its relationship with health: Rural urban differences". *Health Place* 2016, 42. pp.111–119. [CrossRef] [PubMed].
- Waite, L.J., Moore, K. A. 1978. "The impact of an early first birth on young women's educational attainment". *Social Forces*, 57 (1978), pp. 845-865.
- Willie-Tyndale D., Holder-Nevins D., Mitchell-Fearon K., James K., Laws H. Waldron NK., Eldemire-Shearer. D. 2016. *Participation in social activities and the association with socio-demographic and health-related factors among community-dwelling older adults in Jamaica*. *J Cross Cult Gerontol.* 31(4): 427-47
- World Health Organization (WHO) 2002. *Active ageing, a policy framework*. Geneva. WHO.